出 行

chūxíng · xuất hành · đi lại

chū

xíng

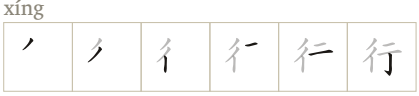

Dữ liệu nét: Make Me A Hanzi / Arphic Technology — Arphic Public License